

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	HĐTN (Nhân)			Ngữ Văn (Huyền)	Tin học (Tuần)	Địa lí (Vĩnh)	Toán (Q.Tâm)	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Ngát)	Tiếng anh (Dung)
	2	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT
	3	HĐTN (Nhân)			Ngữ Văn (Huyền)	Địa lí (Vĩnh)	GDĐP (Tuần)	Sinh học (Đức)	Toán (Phượng)	Toán (Mạnh)	Lịch sử (Huệ)
	4				Sinh học (Đức)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Trường)	Địa lí (Vĩnh)	Toán (Phượng)	Toán (Mạnh)	Tin học (Tuần)
	5										
Thứ 3	1	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Trường)	Toán (Mạnh)	Địa lí (Vĩnh)	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Huyền)	Sinh học (Ngát)	GDĐP (Thư)
	2	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Trường)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Địa lí (Vĩnh)	CĐ Toán (Thư)	Toán (Phượng)	GDĐP (Tập)	Địa lí (Chính)
	3	Sinh học (Ngát)	Địa lí (Thảo)	Ngữ Văn (Quân)	CĐ Toán (Thư)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Trường)	Địa lí (Vĩnh)	GDĐP (Tập)	Địa lí (Chính)	Toán (Phượng)
	4	Toán (Trường)	Hóa học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Vật lí (Dũng)	CĐ Toán (Thư)	Lịch sử (Huệ)	Hóa học (Sếnh)	Địa lí (Vĩnh)	CĐ Địa lí (Thảo)	Toán (Phượng)
	5										
Thứ 4	1	LỄ MEETING 20/11									
	2										
	3										
	4										
	5										
Thứ 5	1	NGHỈ 20/11									
	2										
	3										
	4										
	5										
Thứ 6	1	Tiếng anh (Trang)	Hóa học (Nga)	Toán (Trường)	Toán (Mạnh)	Lịch sử (Huệ)	Vật lí (Dũng)	Hóa học (Sếnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	CĐ Địa lí (Thảo)
	2	Địa lí (Thảo)	Toán (Q.Tâm)	GDĐP (Nga)	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Trường)	Sinh học (Đức)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Địa lí (Chính)
	3	Lịch sử (Hương)	Địa lí (Thảo)	GDTC - (Tâm)	Hóa học (Sếnh)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Ngữ Văn (Linh)	Vật lí (Dũng)	Địa lí (Chính)	Ngữ Văn (Quân)
	4	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Ngát)	Hóa học (Sếnh)	Sinh học (Đức)	Tin học (Tuần)	Ngữ Văn (Linh)	Lịch sử (Huệ)	Hóa học (Nga)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	5										
Thứ 7	1	GDQP (Hiếu)	Toán (Q.Tâm)	Hóa học (Sếnh)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	Công nghệ (Trường)	GDTC - (Tâm)	Hóa học (Nga)	GDTC (Nhạ)	Tiếng anh (Dung)
	2	Tiếng anh (Trang)	Sinh học (Ngát)	GDQP (Hiếu)	Hóa học (Sếnh)	Toán (Q.Tâm)	Công nghệ (Trường)	Lịch sử (Huệ)	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)	GDKT&PL (Vừ)
	3	GDTC - (Tâm)	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)	Lịch sử (Huệ)	Toán (Q.Tâm)	GDQP (Hiếu)	GDKT&PL (Vừ)	Sinh học (Ngát)	Công nghệ (Mạnh)	Tin học (Tuần)
	4	Hóa học (Nga)	Toán (Q.Tâm)	Lịch sử (Hương)	GDQP (Hiếu)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Q.Tâm)	Sinh học (Ngát)	GDKT&PL (Vừ)	Tiếng anh (Dung)
	5										

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Linh)	GDKT&PL (Vừ)	HĐTN (Nhàn)				Tiếng anh (Dung)	Sinh học (Ngát)	Sinh học (Đức)
	2	Sinh học (Ngát)	Tiếng anh (Dung)	Ngữ Văn (Quân)					Địa lí (Vĩnh)	Công nghệ (Mạnh)	Toán (Phượng)
	3	Địa lí (Thảo)	Hóa học (Nga)	Tiếng anh (Dung)					Sinh học (Ngát)	Ngữ Văn (Quân)	Lịch sử (Huệ)
	4										
	5										
Thứ 3	1	Vật lí (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	Tiếng anh (Dung)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Q.Tâm)	Tin học (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)	Địa lí (Vĩnh)	Lịch sử (Huệ)	Ngữ Văn (Quân)
	2	Toán (Trường)	Tiếng anh (Dung)	Vật lí (Dũng)	Địa lí (Vĩnh)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Linh)	GDTC - (Tâm)	Lịch sử (Hương)	CĐ C.Nghệ (Phượng)	Sinh học (Đức)
	3	Toán (Trường)	GDTC - (Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	Tiếng anh (Trang)	Công nghệ (Tuấn)	Ngữ Văn (Linh)	Hóa học (Sénh)	Tiếng anh (Dung)	GDQP (Hiếu)	Tin học (Tuấn)
	4										
	5										
Thứ 4	1	GDDP (Nga)	Tiếng anh (Dung)	GDKT&PL (Vừ)	Vật lí (Dũng)	Công nghệ (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Linh)	HĐTN (Nhàn)		
	2	Lịch sử (Hương)	GDKT&PL (Vừ)	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Trang)	Tin học (Tuấn)	Công nghệ (Trường)	Ngữ Văn (Linh)			
	3	Vật lí (Dũng)	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)	Địa lí (Vĩnh)	GDKT&PL (Vừ)	Tin học (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)			
	4										
	5										
Thứ 5	1	NGHỈ 20/11									
	2										
	3										
	4										
	5										
Thứ 6	1	Tiếng anh (Trang)	GDDP (Nga)	Lịch sử (Hương)	Hóa học (Sénh)	GDTC - (Tâm)	Tin học (Tuấn)	Toán (Q.Tâm)	Tiếng anh (Dung)	Lịch sử (Huệ)	Sinh học (Đức)
	2	Hóa học (Nga)	GDTC - (Tâm)	Địa lí (Thảo)	Tiếng anh (Trang)	Công nghệ (Tuấn)	Vật lí (Dũng)	GDDP (Sénh)	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)	GDKT&PL (Vừ)
	3	Hóa học (Nga)	GDQP (Hiếu)	Địa lí (Thảo)	GDTC - (Tâm)	GDDP (Sénh)	Tiếng anh (Trang)	GDKT&PL (Vừ)	GDTC (Nhạ)	Tiếng anh (Dung)	Tin học (Tuấn)
	4										
	5										
Thứ 7	1										
	2										
	3										
	4										
	5										